THỰC TRẠNG GẮN BÓ VỚI CHA, MẸ VÀ BẠN BÈ Ở VỊ THÀNH NIÊN VÀ SỰ KHÁC BIỆT THEO MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NHÂN KHẨU HỌC

Đặng Hoàng Phúc*, Vũ Thảo Uyên*, Trần Phú Vinh*, Nguyễn Trí Dũng**
Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh*
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**

Tóm tắt: *Nghiên cứu mô tả sự gắn bó với cha, mẹ và bạn bè ở vị thành niên, đồng thời xem xét sự khác biệt theo giới tính, cấp học và tình trạng hôn nhân của cha mẹ. Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 999 học sinh từ 12 đến 18 tuổi tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, sử dụng Thang đo gắn bó với cha mẹ và bạn bè (IPPA). Kết quả cho thấy vị thành niên gắn bó với mẹ cao nhất, tiếp đến là cha và bạn bè; phần lớn có kiểu gắn bó an toàn. Nam gắn bó, tin cậy và giao tiếp với cha cao hơn nữ, trong khi nữ gắn bó với bạn bè cao hơn nam. Học sinh trung học cơ sở gắn bó với cha cao hơn học sinh trung học phổ thông. Nhóm có cha mẹ ly hôn hoặc ly thân có mức tin cậy và giao tiếp với cha thấp hơn, đồng thời xa lánh cha cao hơn. Kết quả nhấn mạnh vai trò của các mối quan hệ gắn bó trong sự phát triển của vị thành niên.*

Từ khóa: *gắn bó; cha; mẹ; bạn bè; vị thành niên.*

ADOLESCENTS' ATTACHMENT TO FATHERS, MOTHERS, AND PEERS: DIFFERENCES ACROSS SELECTED DEMOGRAPHIC CHARACTERISTICS

Abstract: *This study examined adolescents' attachment to fathers, mothers, and peers and differences by gender, educational level, and parental marital status. A cross-sectional survey was conducted among 999 students aged 12–18 years in Di Linh District, Lam Dong Province, Vietnam, using the Inventory of Parent and Peer Attachment. Adolescents reported the strongest attachment to mothers, followed by fathers and peers, and most exhibited secure attachment. Male adolescents reported higher attachment, trust, and communication with fathers, whereas female adolescents reported stronger attachment to peers. Lower secondary school students showed stronger attachment to fathers than upper secondary school students. Adolescents whose parents were divorced or separated reported lower trust and communication with fathers and greater paternal alienation. These findings underscore the role of attachment relationships in adolescent development.*

Keywords: *attachment; fathers; mothers; peers; adolescents.*

Nhận bài: 12/05/2026 *Phản biện: 12/06/2026* *Duyệt đăng: 15/06/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Gắn bó là mối liên kết cảm xúc tương đối bền vững với những người có ý nghĩa, góp phần tạo cảm giác an toàn và định hướng cách cá nhân nhìn nhận bản thân, cũng như các mối quan hệ xã hội. Theo Bowlby (1969/1982), những trải nghiệm gắn bó ban đầu tiếp tục ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý ở các giai đoạn sau. Ở tuổi vị thành niên, cha mẹ vẫn là nguồn hỗ trợ quan trọng, trong khi bạn bè ngày càng đáp ứng nhu cầu chia sẻ, được chấp nhận và hỗ trợ cảm xúc.

Sự gắn bó với cha, mẹ và bạn bè thường được xem xét qua ba thành phần: tin cậy, giao tiếp và xa lánh (Armsden & Greenberg, 1987). Các nghiên cứu cho thấy mức độ gắn bó có thể khác nhau theo giới tính, độ tuổi và hoàn cảnh gia đình; nữ thường gắn bó với bạn bè cao hơn nam, còn vai trò hỗ trợ của cha mẹ có xu hướng thay đổi theo tuổi (Paterson et al., 1994; Gorrese & Ruggieri, 2012). Tại Việt Nam, sự xa lánh với bạn bè được ghi nhận có liên hệ với trầm cảm, lo âu và vấn đề giấc ngủ (Phạm Tiến Sỹ, 2023).

Tuy nhiên, các nghiên cứu khảo sát đồng thời gắn bó với cha, mẹ và bạn bè còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm mô tả mức độ, các thành phần và kiểu gắn bó của học sinh từ 12 đến 18 tuổi tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; đồng thời xem xét sự khác biệt theo giới tính, cấp học và tình trạng hôn nhân của cha mẹ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang, chọn mẫu thuận tiện trên học sinh Trường THCS Tân Lâm và Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Trong hơn 1.200 phiếu phát ra, 999 phiếu hợp lệ được phân tích, gồm 551 học sinh THCS (55,2%) và 448 học sinh THPT (44,8%); nam chiếm 46,6% và nữ chiếm 53,4%. Có 90,4% học sinh có cha mẹ sống chung, 7,8% có cha mẹ ly hôn hoặc ly thân và 1,8% có cha hoặc mẹ đã qua đời.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Sự gắn bó được đánh giá bằng Thang đo gắn bó với cha mẹ và bạn bè (Inventory of Parent and Peer Attachment – IPPA) của Armsden và Greenberg (1987), sử dụng bản tiếng Việt của Nguyễn Ngọc Khôi (2024). Thang đo gồm ba tiểu thang về gắn bó với cha, mẹ và bạn bè, mỗi tiểu thang có 25 câu, đánh giá ba thành phần: tin

cậy, giao tiếp và xa lánh. Các câu được chấm theo thang Likert 5 mức; câu nghịch được đảo điểm trước khi tính tổng. Điểm cao phản ánh mức tin cậy và giao tiếp cao, đồng thời mức xa lánh thấp.

Hệ số Cronbach's alpha của các tiểu thang gắn bó với cha, mẹ và bạn bè lần lượt là 0,886; 0,885 và 0,878; hệ số toàn thang là 0,921, cho thấy độ nhất quán nội tại tốt.

Thu thập và xử lý số liệu

Khảo sát được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của ban giám hiệu hai trường. Học sinh được thông tin về mục đích nghiên cứu, tính tự nguyện và nguyên tắc bảo mật. Dữ liệu được xử lý bằng SPSS.

Thống kê mô tả được sử dụng để tính tần số, tỷ lệ, điểm trung bình và độ lệch chuẩn. ANOVA đo lường lặp lại được dùng để so sánh mức độ gắn bó với cha, mẹ và bạn bè; kiểm định t độc lập để phân tích khác biệt theo giới tính và cấp học; ANOVA một yếu tố để xem xét khác biệt theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ. Kiểm định Chi-square hoặc Fisher's exact được sử dụng để phân tích mối liên hệ giữa đặc điểm nhân khẩu học và kiểu gắn bó. Mức ý nghĩa thống kê được xác định tại $p < 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng gắn bó với cha, mẹ và bạn bè

Bảng 1. Điểm trung bình về gắn bó với cha, mẹ, bạn bè ở vị thành niên

	Gắn bó với cha	Gắn bó với mẹ	Gắn bó với bạn bè
ĐTB (ĐLC)	3.64 (0.61)	3.86 (0.58)	3.51 (0.59)
Sig. (Repeated Measures Anova)		p < 0.001	

Repeated Measures Anova được thực hiện trên gắn bó với cha, mẹ, bạn bè cho thấy VTN có mức độ gắn bó với mẹ là cao nhất (ĐTB=3.86), tiếp theo là gắn bó với cha (ĐTB=3.64) và cuối cùng là gắn bó với bạn bè (ĐTB=3.51). Nhìn chung VTN có sự gắn bó ở mức khá (ĐTB= 3.67).

Bảng 2. Điểm trung bình các thành phần của sự gắn bó với cha, mẹ, bạn bè

	Thành phần của sự gắn bó					
	Tin cậy		Giao tiếp		Xa lánh	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Gắn bó với cha	37.90	6.53	30.75	6.97	13.42	4.18
Gắn bó với mẹ	39.99	5.95	33.82	6.77	13.08	4.20
Gắn bó với bạn bè	37.54	7.68	26.77	6.50	18.47	4.54

VTN tin cậy mẹ (ĐTB=39.99) cao hơn so với cha và bạn bè (ĐTB lần lượt là 37.90 và 37.54), đều ở mức cao. Tương tự như vậy, chất lượng giao tiếp với mẹ (ĐTB=33.82) cao hơn so với với cha (ĐTB=30.75) và đều ở mức cao còn giao tiếp với bạn bè ở mức TB với ĐTB= 26.77. Cuối cùng, VTN cảm thấy xa lánh nhiều nhất đối với bạn bè (ĐTB=18.47) tiếp đó là đến xa lánh với cha, mẹ (ĐTB lần lượt là 13.42, 13.08) và đều ở mức TB.

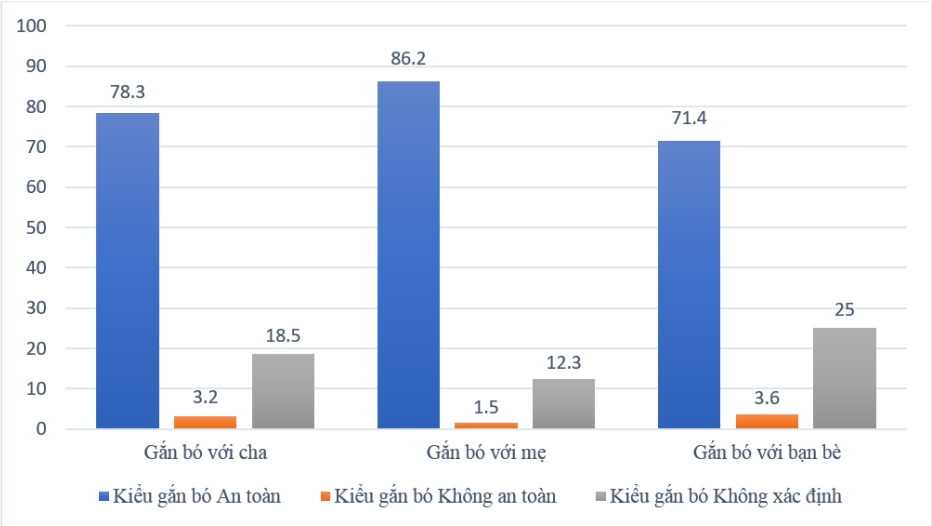

Hình 1. Tỉ lệ kiểu gắn bó với cha, mẹ, bạn bè

Theo hình 1, VTN có gắn bó an toàn với mẹ cao nhất (86.2%), tiếp đến là với cha (78.3%), cuối cùng là với bạn bè (71.4%). Ngược lại VTN gắn bó không an toàn với bạn bè cao nhất (3.6%), cha (3.2%), mẹ (1.5%). VTN có kiểu gắn bó không xác định với bạn bè cao nhất chiếm 25%, với ba chiếm 18.5% và thấp nhất là với mẹ chiếm 12.3%. Nhìn chung, vị thành niên đa phần có gắn bó an toàn với cả cha, mẹ và bạn bè. Trong luận văn này, người nghiên cứu tập trung vào sự khác biệt giữa kiểu gắn bó an toàn và không an toàn

3.2. Sự khác biệt về gắn bó với cha, mẹ và bạn bè theo một số đặc điểm nhân khẩu học

Bảng 3. Điểm trung bình của sự gắn bó với cha, mẹ, bạn bè xét theo giới tính

	Giới tính	ĐTB	ĐLC	Sig (t-test)
Gắn bó với cha	Nam	3.71	0.57	**0.001**
	Nữ	3.58	0.64	
Gắn bó với mẹ	Nam	3.87	0.53	0.773
	Nữ	3.86	0.62	
Gắn bó với bạn bè	Nam	3.43	0.55	**0.000**
	Nữ	3.58	0.61	

Kết quả ở bảng 3 cho thấy nam có xu hướng gắn bó với cha, mẹ cao hơn nữ và nữ gắn bó với bạn bè nhiều hơn nam. Tuy nhiên kiểm nghiệm T cho thấy, chỉ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa gắn bó với cha (p= 0.001) và bạn bè (p=0.000) theo giới tính. Cụ thể, nam gắn bó với cha cao hơn so với nữ (ĐTB lần lượt là 3.71 và 3.58). Ngược lại, nữ (ĐTB=3.58) có gắn bó với bạn bè nhiều hơn nam (ĐTB=3.43).

Kết quả kiểm định t cho thấy giới tính có liên quan đến một số thành phần gắn bó. Đối với cha, nam có mức tin cậy và giao tiếp cao hơn nữ, đồng thời có mức xa lánh thấp hơn; các khác biệt đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Đối với mẹ, không có khác biệt về tin cậy và giao tiếp giữa hai giới, nhưng nữ có mức xa lánh cao hơn nam ($p = 0,037$). Trong quan hệ với bạn bè, nữ có mức tin cậy và giao tiếp cao hơn nam ($p < 0,001$), trong khi mức xa lánh không khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,075$). Nhìn chung, nam có xu hướng gắn bó tích cực hơn với cha, còn nữ thể hiện mức tin cậy và giao tiếp cao hơn với bạn bè.

Kết quả cho thấy, học sinh THCS có xu hướng gắn bó với với cha, mẹ, bạn bè nhiều hơn THPT. Tuy nhiên, kiểm nghiệm cho thấy chỉ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa gắn bó với cha và cấp học. Cụ thể, học sinh THCS gắn bó với cha nhiều hơn học sinh THPT (ĐTB lần lượt là 3.68 và 3.59). Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các cấp học và gắn bó với mẹ, bạn bè.

Kết quả cho thấy, học sinh THCS tin cậy, giao tiếp với cha, mẹ nhiều hơn THPT. Ngược lại học sinh THPT xa lánh với cha, mẹ nhiều hơn học sinh THCS. Đối với gắn bó với bạn bè, học sinh THCS tin cậy bạn bè hơn THPT, tuy nhiên THPT giao tiếp và xa lánh với bạn bè nhiều hơn THCS.

Kiểm nghiệm T cho thấy, không có sự khác biệt giữa cấp học với các thành phần của sự gắn bó với mẹ, bạn bè cũng như không có sự khác biệt giữa các cấp học và mức độ tin cậy và xa lánh với cha. Tuy nhiên, ở mức độ giao tiếp với cha ($p=0.029$) có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Cụ thể, học sinh THCS giao tiếp với cha nhiều hơn THPT (ĐTB lần lượt là 31.18 và 30.21) .

Kết quả cho thấy, VTN có cha, mẹ ly hôn/ ly thân thì gắn bó với cha, mẹ ít hơn khi cha mẹ sống chung hoặc goá. Đối với gắn bó với bạn bè cho thấy, khi cha mẹ ly hôn/ ly thân thì VTN gắn bó với bạn bè cao hơn hẳn khi có cha mẹ sống chung hoặc goá. Tuy nhiên, kiểm nghiệm Anova cho thấy, chỉ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa gắn bó với cha và tình trạng hôn nhân của cha mẹ ($p=0.000$). Cụ thể, cha mẹ sống chung với nhau thì VTN có mức độ gắn bó với cha (ĐTB=3.67) nhiều hơn khi cha mẹ ly hôn/ ly thân (ĐTB=3.24).

Kết quả ANOVA cho thấy tình trạng hôn nhân của cha mẹ có liên quan đến cả ba thành phần gắn bó với cha. Vị thành niên có cha mẹ ly hôn hoặc ly thân có mức tin cậy và giao tiếp với cha thấp hơn, đồng thời có mức xa lánh cao hơn so với nhóm cha mẹ sống chung hoặc góa; các khác biệt đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$).

Đối với mẹ, chỉ ghi nhận sự khác biệt về mức tin cậy ($p = 0,007$); nhóm có cha mẹ sống chung có mức tin cậy với mẹ cao hơn nhóm cha mẹ ly hôn hoặc ly thân. Không có sự khác biệt có ý nghĩa về giao tiếp và xa lánh với mẹ ($p > 0,05$).

Đối với bạn bè, không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở cả ba thành phần tin cậy, giao tiếp và xa lánh theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ ($p > 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Kết quả cho thấy vị thành niên gắn bó với mẹ cao nhất, tiếp đến là cha và bạn bè; phần lớn có kiểu gắn bó an toàn với cả ba đối tượng. Phát hiện này cho thấy sự gia tăng vai trò của bạn bè ở tuổi vị thành niên không làm mất đi vị trí của cha mẹ trong hệ thống gắn bó. Theo Bowlby (1988), các mô hình làm việc nội tại được hình thành từ quan hệ với người chăm sóc tiếp tục định hướng cách cá nhân xây dựng các mối quan hệ về sau. Do đó, quan hệ bạn bè thường phát triển song song với việc duy trì gắn bó với gia đình, thay vì thay thế hoàn toàn quan hệ với cha mẹ (Wilkinson, 2004).

Xét theo các thành phần, vị thành niên có mức tin cậy và giao tiếp với mẹ cao hơn với cha và bạn bè, trong khi mức xa lánh với bạn bè cao nhất. Kết quả này phản ánh vai trò nổi bật của mẹ trong việc lắng nghe và hỗ trợ cảm xúc. Đồng thời, quan hệ bạn bè tuy ngày càng quan trọng nhưng có thể thiếu ổn định hơn do chịu ảnh hưởng của xung đột, sự thay đổi nhóm bạn và đánh giá từ bạn đồng trang lứa. Gorrese và Ruggieri (2012) cũng cho rằng gắn bó với cha mẹ và bạn bè có liên hệ với nhau nhưng đảm nhiệm những chức năng tương đối khác biệt.

Theo giới tính, nam có mức gắn bó, tin cậy và giao tiếp với cha cao hơn nữ; ngược lại, nữ gắn bó, tin cậy và giao tiếp với bạn bè cao hơn nam. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu cho thấy nữ thường tìm kiếm sự gần gũi, chia sẻ và hỗ trợ cảm xúc từ bạn bè nhiều hơn nam (Gullone, 2005; Ma, 2008; Paterson et al., 1994). Mức xa lánh với bạn bè không khác biệt theo giới tính, tương đồng với kết quả của Guarnieri (2010).

Học sinh THCS có mức gắn bó và giao tiếp với cha cao hơn học sinh THPT, trong khi không có khác biệt về gắn bó với mẹ và bạn bè. Sự khác biệt này có thể liên quan đến việc nhu cầu tự chủ tăng lên và mức độ tìm kiếm hỗ trợ trực tiếp từ cha giảm dần khi vị thành niên lớn hơn. Paterson et al. (1994) cũng ghi nhận sự gần gũi và nhu cầu hỗ trợ từ cha có xu hướng giảm theo độ tuổi.

Tình trạng hôn nhân của cha mẹ liên quan rõ nhất đến gắn bó với cha. Vị thành niên có cha mẹ ly hôn hoặc ly thân có mức tin cậy và giao tiếp với cha thấp hơn, đồng thời có mức xa lánh cao hơn. Kết quả này có thể xuất phát từ sự thay đổi về mức độ hiện diện, tần suất tiếp xúc và khả năng hỗ trợ của người cha sau ly hôn hoặc ly thân. Paterson et al. (1994) cũng cho thấy vị thành niên sống trong gia đình chỉ có một phụ huynh nhận được ít sự gần gũi và hỗ trợ từ cha hơn. Tuy nhiên, do nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang và một số nhóm có cỡ mẫu nhỏ, kết quả cần được diễn giải thận trọng.

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy vị thành niên gắn bó với mẹ cao nhất, tiếp đến là cha và bạn bè; phần lớn có kiểu gắn bó an toàn. Nam có mức gắn bó, tin cậy và giao tiếp với cha cao hơn nữ, trong khi nữ gắn bó, tin cậy và giao tiếp với bạn bè cao hơn nam. Học sinh THCS có mức gắn bó và giao tiếp với cha cao hơn học sinh THPT; không ghi nhận khác biệt về gắn bó với mẹ và bạn bè theo cấp học. Tình trạng hôn nhân của cha mẹ liên quan rõ nhất đến gắn bó với cha: nhóm có cha mẹ ly hôn hoặc ly thân có mức tin cậy và giao tiếp với cha thấp hơn, đồng thời có mức xa lánh cao hơn. Các kết quả cho thấy cần quan tâm đồng thời đến quan hệ của vị thành niên với cha, mẹ và bạn bè, đặc biệt trong những gia đình có thay đổi về cấu trúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Armsden, G. C., & Greenberg, M. T. (1987). The Inventory of Parent and Peer Attachment: Individual differences and their relationship to psychological well-being in adolescence. Journal of Youth and Adolescence, 16(5), 427–454. doi: 10.1007/BF02202939

Bowlby, J. (1982). Attachment and loss: Vol. 1. Attachment (2nd ed.). Basic Books. (Original work published 1969)

Bowlby, J. (1988). A secure base: Parent-child attachment and healthy human development. Basic Books.

Gorrese, A., & Ruggieri, R. (2012). Peer attachment: A meta-analytic review of gender and age differences and associations with parent attachment. Journal of Youth and Adolescence, 41(5), 650–672. doi: 10.1007/s10964-012-9759-6

Guarnieri, S., Ponti, L., & Tani, F. (2010). The Inventory of Parent and Peer Attachment (IPPA): A study on the validity of styles of adolescent attachment to parents and peers in an Italian sample. Testing, Psychometrics, Methodology in Applied Psychology, 17(3), 103–130. doi: 10.4473/TPM.17.3.1

Gullone, E., & Robinson, K. (2005). The Inventory of Parent and Peer Attachment—Revised (IPPA-R) for children: A psychometric investigation. Clinical Psychology & Psychotherapy, 12(1), 67–79. doi: 10.1002/cpp.433

Ma, C. Q., & Huebner, E. S. (2008). Attachment relationships and adolescents' life satisfaction: Some relationships matter more to girls than boys. Psychology in the Schools, 45(2), 177–190. doi: 10.1002/pits.20288

Nguyễn Ngọc Khôi. (2024). Sự gắn bó trong quan hệ với cha mẹ và bạn bè của học sinh trung học cơ sở [Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh].

Paterson, J. E., Field, J., & Pryor, J. (1994). Adolescents' perceptions of their attachment relationships with their mothers, fathers, and friends. Journal of Youth and Adolescence, 23(5), 579–600. doi: 10.1007/BF01537737

Phạm Tiến Sỹ. (2023). Mối quan hệ gắn bó với bạn đồng lứa và sức khỏe tâm thần ở học sinh. Trong Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế về trường học hạnh phúc lần thứ nhất: Có thể học được kỹ năng hạnh phúc không? (tr. 289–298). Nhà xuất bản Đại học Huế.

Wilkinson, R. B. (2004). The role of parental and peer attachment in the psychological health and self-esteem of adolescents. Journal of Youth and Adolescence, 33(6), 479–493. doi: 10.1023/B:JOYO.0000048063.59425.20